

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 455/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” đối với:

Người yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ M, Khu phố H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: đường B, phường T, Quận b, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Minh T, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh B; Địa chỉ liên lạc: Hoàng Anh Gia Lai, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Minh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy T, và ông Trần Minh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2013, quyền số 01/2013 đăng ký ngày 15/3/2013 tại xã Nhơn Thạnh, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Trần Minh T xác nhận có một con chung, họ tên là Trần Ngọc Tuyết V (nữ) sinh ngày 08/02/2013.

Bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Trần Minh T thoả thuận: giao trẻ Trần Ngọc Tuyết V cho ông Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Thúy T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/01 tháng. Cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng vào tháng 9 năm 2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thúy T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà Nguyễn Thị Thúy T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị Thúy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Thiện có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Cả hai đương sự xác nhận không có.

2.4. Về nợ chung: Cả hai đương sự xác nhận không có.

2.5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Thúy T, và ông Trần Minh T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn)

đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0025634 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thúy T, và ông Trần Minh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu: VT, HS (Luyên)

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San Hà